

Bước chuyển tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc đầu thế kỷ XX - giá trị và bài học lịch sử

Đinh Ngọc Thạch*, Nguyễn Thị Thanh Thủy**

Nhận ngày 19 tháng 5 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 9 năm 2021.

Tóm tắt: Đầu thế kỷ XX được xem là thời kỳ chuyển tiếp, hay quá độ của lịch sử tư tưởng Việt Nam, khi tư tưởng Nho gia, vốn chi phối đời sống tinh thần của người Việt trong suốt hàng nghìn năm đã tỏ ra lạc hậu, cần được thay thế bằng hệ tư tưởng mới, nhằm đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của lịch sử dân tộc. Trên nền chung của chủ nghĩa yêu nước đã hình thành nhiều khuynh hướng tư tưởng khác nhau, hướng đến mục tiêu chung giải phóng dân tộc và cải cách xã hội, trong đó tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc có ý nghĩa đặc biệt, là bước ngoặt cách mạng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Bước chuyển tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc để lại cho chúng ta nhiều bài học vô giá, đó là bài học về bản lĩnh, nhạy bén chính trị, kiên định về lý tưởng, lấy lợi ích dân tộc làm nền tảng, nhưng không rơi vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, mà gắn kết lợi ích dân tộc với lợi ích nhân loại.

Từ khóa: Lịch sử, tư tưởng Nguyễn Ái Quốc, thế kỷ XX.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: The beginning of the 20th century is considered a transitional period of the history of Vietnamese thought, when Confucian thought, which dominated the spiritual life of Vietnamese people for thousands of years, had proved itself outdated, and should be replaced by a new ideology in order to meet the urgent demands of the nation's history. On the common background of patriotism were formed various ideological trends, which were aimed for the common goal of national liberation and social reform. Among the trends, Nguyen Ai Quoc's thought bore special significance, being a revolutionary turning point in the history of Vietnamese thought. His ideological shift left us many invaluable lessons, which are lessons on political staunchness and sensibleness, on the steadfastness in ideology, taking national interests as the foundation, while not falling into narrow-minded nationalism, but aligning the interests of the nation with those of humanity.

Keywords: History, Nguyen Ai Quoc's thought, 20th century.

Subject classification: Political science

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

** Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: thanhthuy6711@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Chặng trung gian giữa hai thời kỳ trong lịch sử nhân loại hay một dân tộc, một quốc gia được gọi là thời kỳ quá độ, hay chuyển tiếp. Trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, Ph. Ăngghen từng nói về thời kỳ Phục hưng với tính cách là quá độ từ chế độ phong kiến sang xã hội mới. Tính chất quá độ của tư tưởng thời kỳ này phản ánh những chuyển biến kinh tế, chính trị, xã hội tại nhiều nước Tây Âu như: Ý, Hà Lan, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức. Trong “cuộc đảo lộn tiến bộ lớn nhất” ấy, “ranh giới của orbis terrarum (vòng trái đất) cũ bị phá vỡ”, “chuyên chính tinh thần của giáo hội bị đập tan”, “những người khổng lồ về năng lực suy nghĩ, về nhiệt tình và tính cách” xuất hiện (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2002, t.20, tr.459). Bước chuyển tư tưởng trong thời kỳ quá độ diễn ra ở hầu khắp các lĩnh vực tri thức và hoạt động của con người: văn học, nghệ thuật, triết học, khoa học, chính trị, tôn giáo, từ những chuyển biến xã hội đến “cuộc cách mạng trong đầu người thầy tu”. Xem xét những tên tuổi lớn trong thời kỳ này, Ph. Ăngghen viết: “Những anh hùng thời ấy còn chưa bị nô dịch bởi sự phân công lao động mà tác động gây ra tính chất hạn chế, phiến diện, như chúng ta rất thường thấy ở những người kế tục họ. Nhưng cái làm cho họ nổi bật lên là chỗ họ hầu hết đều hoàn toàn hòa mình vào phong trào của thời họ, họ tham gia sôi nổi vào cuộc đấu tranh thực tế, họ tham gia các chính đảng và chiến đấu, người thì dùng lời nói và cây bút, người thì dùng lưỡi kiếm và nhiều người thì dùng cả hai cách” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2002, t.20, tr.460).

Đánh giá của Ph. Ăngghen về tính chất quá độ của tư tưởng thời kỳ Phục hưng ở Tây Âu có thể được vận dụng vào việc lý giải bước chuyển tư tưởng ở Việt Nam, dù bối cảnh lịch sử khác nhau. Sự so sánh, đối chiếu này thể hiện: (1) đó là sự thay đổi mang tính bước ngoặt trong sinh hoạt tư tưởng, sự đan xen nhiều dòng tư tưởng dưới tác động của những chuyển biến chính trị - xã hội đầu thế kỷ XX; (2) những thay đổi sâu sắc trong đời sống chính trị - xã hội đã phá vỡ những giá trị, chuẩn mực vốn thống trị hàng nghìn năm trong đời sống văn hóa, tinh thần; (3) những năm đầu thế kỷ XX ở Việt Nam đã xuất hiện các nhà tư tưởng tiên phong, vượt qua lối mòn, tìm kiếm những phương thức khác nhau nhằm giành độc lập cho dân tộc, đồng thời thực hiện cải cách xã hội theo hướng tiến bộ, văn minh.

Việc tìm hiểu bước chuyển tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX, bắt đầu từ bước chuyển tư tưởng của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục... và kết thúc bằng *bước ngoặt cách mạng* do Nguyễn Ái Quốc thực hiện, có ý nghĩa thiết thực, nhất là trong quá trình đổi mới, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, trong đó có việc kế thừa, tiếp thu, tiếp biến tinh hoa nhân loại trên cơ sở phát huy sức mạnh nội sinh của dân tộc trong những điều kiện phức tạp, đầy sóng gió của lịch sử.

2. Khái quát về bước chuyển tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX

Khoảng nửa sau thế kỷ XIX, đất nước ta đánh mất cơ hội phát triển vì triều đình nhà Nguyễn bỏ qua những đề xuất cải cách toàn diện của các nhà tư tưởng, trong đó có Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ và nhiều người khác.

Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Bắt đầu từ sự tan rã của phong trào Cần Vương sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (1888), phong trào yêu nước Việt Nam bước sang trang mới. Tư tưởng trung quân ái quốc, từng là chuẩn mực trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc đã không còn phù hợp. Hoàng Hoa Thám là minh chứng cho bước chuyển nhỏ này. Người đứng đầu khởi nghĩa Yên Thế tiến hành cuộc đấu tranh chống Pháp một cách tương đối độc lập, sử dụng lực lượng nông dân địa phương và nông dân từ các nơi khác đến đây lập nghiệp, không tuân theo chính sách của triều đình, vốn bị họ chống đối ngay từ trước khi Pháp xâm lược. Nhưng việc thiếu phối hợp với các phong trào yêu nước khác, cùng với lập trường thiếu dứt khoát của Hoàng Hoa Thám và tư tưởng minh chủ đã làm cho cuộc khởi nghĩa thất bại sau 30 năm kiên cường chống xâm lược.

Để hồi sinh dân tộc cần có sự đánh giá lại truyền thống, tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc một cách hợp lý, vừa phát huy nội lực, vừa tiếp thu kinh nghiệm, giá trị từ bên ngoài. Tư tưởng của các nhà yêu nước Việt Nam ra đời trong bối cảnh đó. Điều này cho thấy, trong sự tìm tòi, thử nghiệm các phương án khác nhau, chủ nghĩa yêu nước truyền thống luôn trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt, ngọn cờ tập hợp các nhà tư tưởng.

Sự tìm tòi, thử nghiệm các phương án khác nhau trong phong trào yêu nước gắn với tên tuổi của các nhà yêu nước tiêu biểu như: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường... là những người mở đường, họ không tránh khỏi lúng túng khi lựa chọn con đường cứu nước, song công lao của họ là đặt nền móng cho phát triển tư tưởng Việt Nam trong buổi giao thời lịch sử. Nhà nước pháp quyền, nền dân chủ, xã hội dân sự là những thuật ngữ được nhắc nhiều trong các trang viết của các nhà tư tưởng Việt Nam thời kỳ này. Tuy nhiên, điều kiện lịch sử lúc ấy chưa cho phép các nhà tư tưởng đi xa hơn, dù họ đã tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội khoa học.

Phan Bội Châu thành lập tổ chức cách mạng lấy tên Duy tân Hội, suy tôn Kỳ Ngoại hầu Cường Để làm Hội chủ theo truyền thống “suy tôn minh chủ”, với mục đích “khôi phục nước Việt Nam, lập ra một chính phủ độc lập (Phan Bội Châu, 1957, tr.33), tiến đến “dân trí mở mang, dân khí lớn mạnh, dân quyền phát đạt, vận mệnh nước ta do dân ta nắm giữ” (Phan Bội Châu, 1990, t.2, tr.225). Sự lựa chọn này mang tính quá độ về mặt tư tưởng, vì nó cho thấy sự đan xen giữa cái mới và cái đã lỗi thời, nhưng vẫn còn mang tính phổ biến trong ý thức cộng đồng. Sau thất bại của phong trào Đông Du, đồng thời chịu ảnh hưởng của các nhà canh tân Trung Quốc như: Khang Hữu Vi, Tôn Trung Sơn, Lương Khải Siêu, Phan Bội Châu từ bỏ lập trường quân chủ, thành lập Việt Nam quang phục Hội, chủ trương hướng đến nước cộng hòa dân chủ tại Việt Nam sau khi đánh đuổi thực dân Pháp (Phan Bội Châu, 1990, t.3, tr.135). Quang phục Hội thất bại, Phan Bội Châu rút ra những bài học về sự cần thiết xây dựng học thuyết giải phóng con người trên cơ sở nhận thức và vận dụng phương pháp luận khoa học vào thực tiễn chính trị - xã hội. Ông tìm hiểu Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tình hình cũng tương tự như vậy đối với quá trình chuyển biến tư tưởng của Phan Chu Trinh, một trong những người khởi xướng phong trào Duy Tân. Xuất thân trong gia đình có cha từng tham gia phong trào Cần Vương, Phan Chu Trinh cố gắng thoát khỏi ảnh hưởng của Nho gia, chuyển dần sang

tư tưởng dân chủ tư sản, đề ra thuyết Dân quyền theo tinh thần của cách mạng Pháp, xem Tam quyền phân lập là nguyên tắc cơ bản của nhà nước pháp quyền.

Từ những bài học xương máu của phong trào Cần Vương và các cuộc khởi nghĩa vũ trang sau Cần Vương, Phan Chu Trinh không ủng hộ phương pháp đấu tranh giành quyền độc lập tự chủ bằng bạo lực (Phan Chu Trinh, 1995), mà kết hợp thuyết Dân quyền với quan điểm “Pháp - Việt thỏa hiệp”, lấy đối thoại thay đối đầu, lấy phương tiện hòa bình thay đấu tranh vũ trang. Tư tưởng “thức tỉnh nhân dân, hợp quần, hợp xã, khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” (Phan Chu Trinh, 1995, tr.699) có mối liên hệ với thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn về điều kiện phát sinh, thực chất và mức độ lan tỏa sâu rộng trong xã hội. Thức tỉnh nhân dân, khơi dậy “chủ nghĩa quốc tộc” thay cho sự chật hẹp của “chủ nghĩa tông tộc” trong bối cảnh lịch sử đầy biến động đã làm nên một Tôn Trung Sơn như biểu tượng của Trung Hoa dân chủ và đổi mới, nhưng bản thân ông không đi tới đích cuối cùng của Cách mạng Tân Hợi. Phan Chu Trinh sớm tiếp xúc với tư tưởng dân chủ tư sản, xem Rousseau là hình mẫu của cách mạng dân quyền, nhưng dừng lại ở chủ nghĩa cải lương. Sự lúng túng, mâu thuẫn trong tư tưởng chính trị của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh phản ánh tình trạng chung của thời kỳ quá độ trong phát triển tư tưởng, khi cái mới và cái cũ đan xen nhau, cái mới chưa có khả năng vượt qua tình trạng hiện có một cách dứt khoát. Ngay Phan Bội Châu, người kiên trì con đường đấu tranh vũ trang trong suốt thời gian dài, cuối cùng cũng chọn giải pháp “hòa bình thực hành bằng văn minh” (Phan Bội Châu, 2000, t.5, tr.227).

Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường là những người tiên phong trong tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Họ hiểu biết nhiều về văn hóa các nước, trong đó có Pháp, Nhật, Trung Quốc, tiếp thu tư tưởng Khai sáng Pháp và tư tưởng canh tân của Nhật Bản, Trung Quốc. Cả ba dù khác nhau về nguồn gốc xuất thân, trình độ học vấn, song đều dấn thân vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, phát huy nội lực và tiếp thu tinh hoa nhân loại để phát triển đất nước. Luật sư Phan Văn Trường cùng với Phan Chu Trinh lập ra Hội Đồng bào Thân ái, một trong những tổ chức đầu tiên tập hợp những người Việt Nam cùng chí hướng. Trong các bài viết của mình, Phan Văn Trường phê phán thực dân Pháp, chỉ trích chính sách bạo ngược của chúng đối với nhân dân Việt Nam, xem chiêu bài “Pháp - Việt thỏa hiệp” là trò lừa bịp và ảo tưởng. Ông và Phan Chu Trinh từng bị bắt giam với lý do “kích động chống lại mẫu quốc”, chỉ được tha sau khi có sự vận động của Hội nhân quyền và một số đại diện của Đảng Xã hội Pháp. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, Phan Văn Trường cùng Phan Chu Trinh, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tất Thành ký bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” (1919).

Sinh sau Nguyễn Tất Thành 10 năm, Nguyễn An Ninh cũng như Phan Văn Trường sang Pháp học đại học. Tiếp thu tư tưởng Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, sau khi về nước với bằng cử nhân luật, Nguyễn An Ninh bắt đầu phổ biến công khai tư tưởng Tự do - Bình đẳng - Bác ái, kêu gọi nhân dân, nhất là tầng lớp thanh niên, tham gia các hoạt động chấn hưng dân tộc, đòi các quyền dân chủ, tự do. Ông ra báo *La Cloche Fêlée* (Chuông rè) bằng tiếng Pháp, dùng hoạt động chính luận để truyền bá tư tưởng tiến bộ. Điểm chung của Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh là họ đã tiếp cận với thế giới quan duy vật biện chứng,

đến gần với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và có thiện cảm với chủ nghĩa xã hội. Trong các tác phẩm và bài viết của mình, Nguyễn An Ninh thừa nhận cách mạng vô sản là cuộc cách mạng chân chính trong thời đại ngày nay, đề cao mối liên hệ giữa cách mạng trong một nước và cách mạng trong phạm vi quốc tế, đồng thời chỉ ra sự cần thiết nhận thức đúng đắn bản chất của cách mạng, tránh sự tầm thường hóa mục tiêu cách mạng bằng lợi ích vật chất thuần túy.

Trong bước chuyển tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX còn có Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và Quốc dân đảng. Trường Đông Kinh Nghĩa Thục được thành lập vào tháng 3/1907, hoạt động trong vòng 8 tháng, quy tụ nhiều nhà yêu nước như: Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ, Dương Bá Trạc, Lê Đạt, Nguyễn Quyền... với mục đích “khai sáng giống nòi”, kêu gọi dân chúng hướng về cội nguồn con Rồng cháu Tiên, nêu cao tinh thần yêu nước, chống ách nô dịch, áp bức. Đông Kinh Nghĩa Thục kết hợp những cái tinh tế của Hán học và Tây học để giáo dục tư tưởng Khai sáng và ý thức độc lập dân tộc cho người Việt Nam. Thành công của trường Đông Kinh Nghĩa Thục là đã tạo nên một luồng sinh khí mới trong sinh hoạt tư tưởng, vượt qua định kiến Á Đông và mặc cảm của người dân mất nước để hướng đến tư tưởng tích cực, tiến bộ, phù hợp với xu thế vận động của lịch sử. Những cuốn sách, tài liệu, những bài thơ và diễn thuyết của Đông Kinh Nghĩa Thục đã nêu lên tâm trạng của người dân mất nước, khát vọng giải phóng, canh tân, khẳng định các giá trị thiêng liêng của dân tộc, từ đó khơi lên và phổ biến chủ nghĩa yêu nước trong các tầng lớp nhân dân. Trong thời gian hoạt động ngắn ngủi, Đông Kinh Nghĩa Thục đã góp thêm tiếng nói của mình vào phong trào yêu nước Việt Nam, thực hiện bước chuyển quyết định sang giai đoạn mới của cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Song, xét đến cùng, linh hồn của Đông Kinh Nghĩa Thục vẫn là những Nho sĩ còn duyên nợ với quá khứ.

Ở một thái cực khác, Quốc dân đảng của Nguyễn Thái Học thể hiện tiếng nói của tư sản dân tộc và tiểu tư sản, lấy Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn làm chỗ dựa tư tưởng. Nhưng tư sản và tiểu tư sản Việt Nam là một lực lượng nhỏ bé và dao động. Điều kiện lịch sử hiện tại không thể đem lại thành công cho một phong trào đầy tham vọng ấy.

Có thể nhận thấy, phần lớn các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đều cố gắng tìm kiếm con đường và phương pháp đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Những thành công và thất bại của các phong trào ấy đã để lại những bài học và những kinh nghiệm quý giá cho các thế hệ sau. Tính liên tục, tính kế thừa của phong trào yêu nước Việt Nam phản ánh nhu cầu và khát vọng của một dân tộc đang chịu thân phận của kẻ nô lệ.

3. Sự kết hợp giá trị truyền thống và tinh hoa nhân loại trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc

Có thể nhận thấy ba dấu mốc quan trọng về sự kết hợp giá trị truyền thống và tinh hoa nhân loại trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc: (1) từ những bài học của các phong trào yêu nước, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc khác với các

bậc tiền bối, trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước truyền thống (1911); (2) từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin sau khi làm quen với bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V. I. Lê-nin; (3) hoàn thành bước chuyển về tư tưởng, thành lập tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội (1925) và thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước thành Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 2/1930).

Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời bến Nhà Rồng, ra đi tìm đường cứu nước. Cũng trong năm đó, ngày 10/10/1911, Cách mạng Tân Hợi nổ ra với mục đích lật đổ nền quân chủ phong kiến, xác lập chế độ cộng hòa. Chủ thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn, được ông công bố lần đầu vào năm 1905, được hiện thực hóa một phần trong quá trình tiến hành cách mạng. Song, Cách mạng Tân Hợi thành công không trọn vẹn, khiến cho nền dân chủ không có điều kiện phổ biến tại Trung Quốc vào những năm 20 của thế kỷ XX.

Tôn Trung Sơn đánh giá cao C. Mác, xem học thuyết của C. Mác là “tập đại thành của tư tưởng nhân loại mấy nghìn năm nay” (Tôn Trung Sơn, 1995, tr.323), đồng thời cho rằng, “chủ nghĩa dân sinh là chủ đề bản chất của chủ nghĩa xã hội” (Tôn Trung Sơn, 1995, tr.320). Tuy nhiên, Tôn Trung Sơn không tán thành thế giới quan và nhân sinh quan mác-xít, ông thay học thuyết đấu tranh giai cấp bằng thuyết sinh tồn với lập luận: “Đấu tranh giai cấp không phải là nguyên nhân của tiến hóa xã hội; đấu tranh giai cấp là bệnh trạng phát sinh khi xã hội đang tiến hóa... Mác nhận định đấu tranh giai cấp là nguyên nhân của tiến hóa xã hội, đó là nhận định đảo ngược kết quả thành nguyên nhân” (Tôn Trung Sơn, 1995, tr.333, 336). Ông cũng không đồng ý với C. Mác trong học thuyết về giá trị thặng dư, cho rằng học thuyết đó đã không còn tương thích với sự chuyển biến kinh tế, chính trị trong xã hội tư sản hiện đại, nhất là Mỹ và các nước phát triển tại Tây Âu (Tôn Trung Sơn, 1995, tr.339-340).

Tôn Trung Sơn không hiểu hết ý nghĩa của học thuyết mác-xít, nhất là phát minh đầu tiên của Mác - phát minh ra quan niệm duy vật về lịch sử (Tôn Trung Sơn, 1995, tr.327). Nguyễn Ái Quốc khác với Tôn Trung Sơn ở điểm này, cho dù tiếp thu giá trị của Chủ nghĩa Tam dân thông qua tuyên ngôn “dân tộc độc lập - dân quyền tự do - dân sinh hạnh phúc”. Tôn Trung Sơn thực hiện bước chuyển từ chủ nghĩa dân tộc truyền thống Trung Quốc sang chủ nghĩa dân chủ cấp tiến, đấu tranh vì một nước Trung Hoa thống nhất, phồn vinh, tự do, nhân dân hạnh phúc, lấy Mỹ và Tây Âu làm hình mẫu cho sự phát triển đất nước. Cũng như Tôn Trung Sơn, Nguyễn Ái Quốc tiếp cận với tư tưởng dân chủ phương Tây, đọc Montesquieu, Voltaire, Rousseau, tìm hiểu Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp, nhưng chưa tìm thấy ở đó lời giải đáp trọn vẹn cho vận mệnh dân tộc Việt Nam. Vì thế, bước chuyển tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc trải qua quá trình liên tục và triệt để, từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, trong đó có tư tưởng Khai sáng Pháp và lý tưởng Cách mạng Pháp 1789.

Xuất thân từ gia đình khoa bảng, cũng như nhiều nhà yêu nước khác, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc trước tiên thực hiện bước chuyển từ hệ tư tưởng truyền thống đang bị “Nho gia hóa” một phần để đến với phương Tây. Tác giả Thành Duy cho rằng: “Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước khi đạo đức Khổng Tử đã thâm nhập và phát huy tác dụng trong

đời sống xã hội của nhân dân Việt Nam từ hàng ngàn năm đang trở thành bảo thủ và bất lực trước sự xâm lược của đế quốc Pháp... Từ già Khổng Tử, Hồ Chí Minh đã gặp Giêsu khi đặt chân lên mảnh đất phương Tây” (Thành Duy, 1996, t.12, tr.14). Người nhận thấy, Giêsu khơi nguồn cho lý tưởng Tự do - Bình đẳng - Bác ái của Cách mạng Pháp, nhưng lý tưởng đó đã bị xuyên tạc bởi thực dân Pháp, những kẻ tự xưng đi khai hóa các dân tộc nhược tiểu. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), Nguyễn Ái Quốc không chỉ trưng ra hàng loạt bằng chứng về tội ác của thực dân Pháp trong quá trình đô hộ nước ta, mà còn dành hẳn một chương (chương V) để vạch trần bộ mặt của những “nhà khai hóa” đó (Hồ Chí Minh, 2000, t.2, tr.53-67).

Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp với mong muốn tìm thấy chỗ dựa tin cậy về tổ chức và tư tưởng, điểm xuất phát cho sự lựa chọn chính trị tiếp theo. Về vấn đề này, Trần Dân Tiên viết: “Ông Nguyễn... là người đầu tiên vào một chính đảng Pháp. Người ta hỏi ông tại sao. Ông trả lời: chỉ vì đây là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại Cách mạng Pháp “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”” (Trần Dân Tiên, 1995, tr.49).

Sự lựa chọn giữa Quốc tế II và Quốc tế III cho thấy bước chuyển tư tưởng tiếp theo có tính chất quyết định trong sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc. Quốc tế II ra đời năm 1889, là sự kế thừa Quốc tế I (Hội liên hiệp công nhân quốc tế năm 1864). Công lao to lớn trong sự ra đời và hoạt động của Quốc tế II thuộc về Ph. Ăngghen. Ông tiếp tục sự nghiệp cách mạng do C. Mác để lại, kiên trì đấu tranh chống các phần tử cơ hội, xét lại trong các đảng dân chủ - xã hội, đồng thời phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên nhiều bình diện khác nhau. Phương châm hoạt động của Quốc tế II là tôn trọng tính độc lập trong quan hệ giữa tổ chức công nhân các nước, đồng thời kết hợp vấn đề dân tộc với việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Tuy nhiên, sau khi Ph. Ăngghen mất, một số lãnh đạo của Quốc tế II đã xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lũng đoạn hoạt động của tổ chức này, biến nó thành một tổ chức chính trị thỏa hiệp với chế độ đương thời. Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) ra đời vào tháng 3/1919 do V.I. Lê-nin tổ chức và lãnh đạo, đưa vào cương lĩnh của mình những nội dung mới, mà một trong số đó là giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng dân tộc tại các nước thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lê-nin vào mùa thu năm 1920. Những nội dung cơ bản của bài viết ấy đã tạo nên sự chuyển biến mang tính đột phá về chính trị của Người và Người cũng hiểu thêm nguyên nhân của “tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa”, “tình trạng dốt nát của người dân bản xứ” (Hồ Chí Minh, 2000, t.1, tr.63).

Trong lời phát biểu của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Tours của Đảng Xã hội Pháp có đoạn: “Chúng tôi thấy rằng việc Đảng Xã hội (Pháp) gia nhập Quốc tế thứ ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa” (Hồ Chí Minh, 2000, t.1, tr.23). Khi trả lời một đại biểu tại Đại hội của Đảng Xã hội (Pháp) về lý do chọn Quốc tế III, Nguyễn Ái Quốc nói: “... tôi hiểu rõ một điều: Đề Tam Quốc tế rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa. Đề Tam Quốc tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ. Còn Đề Nhị Quốc tế không hề nhắc đến vận mạng các thuộc địa” (Trần Dân Tiên, 1995, tr.52). Giải thích vì sao Quốc tế III

ra đời, Nguyễn Ái Quốc đã nói ngắn gọn nhưng rõ ràng: “Vì bọn hoạt đầu trong Đệ Nhị Quốc tế đã phản mục đích hội mà hóa ra chó săn cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa, hóa ra phản cách mệnh, những người chân chính cách mệnh như ông V.I. Lê-nin, ông Các Lép-nêch, (bà) Rô-da Luy-xăm-bua¹... cho Quốc tế ấy như chết rồi, phải lập ra Quốc tế khác” (Hồ Chí Minh, 2000, t.2, tr.284); “xem khẩu hiệu Đệ Tam Quốc tế, chẳng những rằng “vô sản giai cấp” mà lại thêm câu “... và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại”, “xem những việc ấy thì đủ biết rằng An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ Tam Quốc tế” (Hồ Chí Minh, 2000, t.2, tr.287).

Bước chuyển quyết định trong tư tưởng đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ đó bắt đầu cuộc đời hoạt động không mệt mỏi vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Quá trình “dấn thân” này đã được Người thể hiện trong cuốn *Đường Kách mệnh* (1927) - cuốn giáo khoa đầu tiên dành cho những nhà cách mạng trẻ trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (hay Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội). Trong cuốn sách, Người so sánh các cuộc cách mạng trong lịch sử như: Cách mạng Mỹ, Cách mạng Pháp, Cách mạng Nga. Với cách mạng Nga, Nguyễn Ái Quốc phân tích quá trình lâu dài từ những chuyển biến mang tính cách mạng trong cải cách nông nô, Cách mạng Nga (1905), Cách mạng tháng Hai và cuối cùng là Cách mạng tháng Mười Nga (1917), đưa Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga lên nắm quyền. Người nhận xét: “Trong thế giới bây giờ chỉ có Cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi... Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mác Khắc Tư (Các Mác - tác giả) và Lênin” (Hồ Chí Minh, 2000, t.2, tr.280). Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 2/1930) là bước chuyển quyết định trong lịch sử tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX, mở ra con đường mới cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nguyễn Ái Quốc là biểu tượng sinh động của bước chuyển lịch sử đó.

4. Giá trị và bài học lịch sử

Giá trị to lớn của bước chuyển tư tưởng do Nguyễn Ái Quốc thực hiện vào những năm 20 của thế kỷ XX đã mở ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn nắm vững quan điểm lịch sử cụ thể, biện chứng cái phổ biến - cái đặc thù, thống nhất lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại. Phong cách Hồ Chí Minh thể hiện không chỉ ở quá trình hoạt động cách mạng, ở tầm tư duy chiến lược, mà ở ngay cách thức phổ biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho các tầng lớp nhân dân, làm cho nội dung của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trở nên sinh động, lan tỏa trong ý thức đại chúng một cách tự nhiên, giản đơn nhưng vô cùng sâu sắc. Cái hồn cốt của văn hóa Việt, phong cách tư duy Á Đông hòa quyện vào nhau một cách

¹ Karl Liebknecht (1871 - 1919) và Rosa Luxemburg (1871-1919) là những người sáng lập Liên minh Spartacus, sau đổi thành Đảng Cộng sản Đức.

tinh tế, làm cho tư tưởng của Người có được sức cảm hóa, sức thuyết phục một cách tinh tế và sâu lắng. Hồ Chí Minh là mẫu mực của việc sử dụng hình thức truyền đạt dễ hiểu, dễ phổ biến để chuyển tải những vấn đề lớn của lý luận khoa học và cách mạng.

Bước chuyển tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta nhiều bài học vô giá, đó là bài học về bản lĩnh, nhạy bén chính trị, về sự kiên định lý tưởng, lấy lợi ích dân tộc làm nền tảng, nhưng không rơi vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, mà gắn kết lợi ích dân tộc với lợi ích nhân loại, về việc nắm vững biện chứng cái phổ biến - cái đặc thù, về tính linh hoạt, sáng tạo trong tiếp thu và tiếp biến tinh hoa nhân loại trong quá trình phát triển đất nước. Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh việc tiếp thu, tiếp biến các giá trị bên ngoài, đồng thời quảng bá hệ giá trị truyền thống Việt Nam ra thế giới: "... Xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam... từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.147). Học tập bản lĩnh và sự nhạy bén nắm bắt cái mới ở Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đề cao tinh thần "nhận thức lại" và vượt qua chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa bảo thủ chính trị để kiên trì sự nghiệp đổi mới. Sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam được hình thành trên cơ sở nắm vững và vận dụng thành công quan điểm phát triển của chủ nghĩa Mác, được bắt đầu từ tinh thần "tư duy lại", "nhận thức lại", vượt qua căn bệnh chủ quan, nóng vội, duy ý chí, tức vượt qua cả chủ nghĩa duy tâm lẫn phương pháp siêu hình trong chính trị. Vấn đề nhận thức lại con đường phát triển của đất nước, được Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức nêu ra tại Đại hội lần thứ VI, là kết quả của một quá trình trăn trở tìm tòi, sáng tạo trong suốt thời gian dài, có cả những mất mát, hy sinh, trải qua nhiều thập kỷ, nếu tính cả thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc sau năm 1954. Thừa nhận những sai lầm, khuyết điểm, vượt qua chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa duy tâm, quan điểm không tương và siêu hình trong lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã chứng tỏ bản lĩnh, trọng trách đối với dân tộc trong thời điểm đầy thách thức. Linh hoạt nắm bắt thời cơ, linh hoạt thay đổi sách lược trong những thời điểm mang tính bước ngoặt, linh hoạt trong việc hoạch định đường lối phát triển của đất nước, tất cả những quyết sách chính trị đều dựa trên sự nhận thức xác đáng bản chất sự vật, hiện tượng và dự báo những chuyển biến tiếp theo.

Bản lĩnh và nhạy bén chính trị đã làm nên sự khác biệt của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh so với các bậc tiền bối và những người cùng thời. Hình ảnh anh Ba ra đi với hai bàn tay trắng, nung nấu chí lớn, với ý nghĩ "xem nước Pháp và các nước khác... làm như thế nào" để "trở về giúp đồng bào" (Trần Dân Tiên, 1995, tr.14) đã báo trước một nhân cách lớn của dân tộc, ở tuổi thanh xuân. Trong quá trình tiếp xúc, làm quen với những người Việt Nam và các nước khác, Nguyễn Ái Quốc luôn chủ động đón nhận cái hay, cái mới, rút ra những bài học và định hình một phong cách sống và hoạt động phù hợp trong những hoàn cảnh khác nhau. Sự nhạy bén này không phải ai cũng đạt được vào thời kỳ hết sức khó khăn đó, nơi đất khách quê người.

Kiên định lý tưởng và luôn luôn sáng tạo, thể hiện tính mở trong quá trình tiếp thu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tinh hoa nhân loại - phẩm chất này của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đáng được các thế hệ cách mạng học hỏi, kế thừa. V.I. Lê-nin từng nhấn mạnh:

“Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu so với cuộc sống... Lý luận của C. Mác chỉ đề ra những nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, xét riêng từng nơi, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga” (V.I. Lênin, 1974, t.4, tr.232). Nguyễn Ái Quốc cũng vậy, trong quá trình thực hiện bước chuyển từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Người không chấp nhận cách tiếp cận một chiều, máy móc đối với học thuyết đó, mà chỉ ra sự cần thiết “bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác”, “củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông” (Hồ Chí Minh, 2000, t.1, tr.465). Bên cạnh đó, tích hợp văn hóa Đông - Tây là nét tiêu biểu của văn hóa Hồ Chí Minh, được Người thể hiện trong việc đón nhận tư tưởng của các bậc “thánh nhân”: Phật tổ có tư tưởng đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn (Hồ Chí Minh, 2000, t.5, tr.197), Khổng Tử có quan niệm về “nhân”, “lễ”, “chính danh” và “thiên hạ đại đồng”, Jesus thì “cho loài người quyền tự do và dạy loài người lòng bác ái” (Hồ Chí Minh, 2000, t.5, tr.333). Ở một chỗ khác, Người viết: “Chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của V.I. Lê-nin” (Hồ Chí Minh, 2000, t.2, tr.454).

Không chỉ trong quá trình thực hiện bước chuyển tư tưởng, mà trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn vận dụng tốt nhất khả năng truyền đạt tư tưởng bằng những cách thức linh hoạt và tinh tế. Tác giả Đào Phan cho rằng, Hồ Chí Minh “đã đem học thuyết cộng sản “dịch ra tiếng nói” của châu Á” (Đào Phan, 1996, tr.375). Tác giả nhấn mạnh: “Dùng ngôn ngữ của học thuyết Đại đồng đã thấm nhuần trong các dân tộc phương Đông để “định” rõ ngôn ngữ của học thuyết cộng sản vốn được xây dựng cho những nước tiên tiến - đó là cống hiến độc đáo của Hồ Chủ tịch trong việc vận dụng lý luận của Mác - Lê-nin vào những điều kiện đặc biệt không có ở các nước tư bản phát triển. Thêm nữa, với cách “dịch” đầy trí tuệ uyên bác ấy, Người cũng làm sáng tỏ chữ “dịch” của “tùy thời biến dịch” trong quan niệm Nho gia, khiến học thuyết cộng sản một khi đã “giao dịch cảm ứng” với học thuyết Đại đồng lại trở nên phong phú với các giá trị con người trong truyền thống ngàn xưa của nhân dân phương Đông” (Đào Phan, 1996, tr.375-376). Bài học về sự kết hợp giá trị của dân tộc và tinh hoa thời đại luôn cần thiết trong quá trình đổi mới đất nước, đón nhận những thành quả của nhân loại, thích ứng với những biến đổi mang tính toàn cầu.

Đó cũng là biểu hiện của sự nhận thức sâu sắc biện chứng cái phổ biến - cái đặc thù, kết hợp sức mạnh nội sinh của dân tộc và tiếp thu tinh hoa nhân loại, mà ngày nay Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục phát huy trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

5. Kết luận

Thực chất bước chuyển tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc là bước ngoặt cách mạng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX, mở ra con đường mới của sự nghiệp đấu tranh

giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Sự hoàn thành bước chuyển ấy bằng bản lĩnh, phẩm chất cá nhân, sự nhạy bén khoa học và tầm nhìn chiến lược của một vĩ nhân trong bối cảnh chính trị - xã hội phức tạp, là sự giải đáp câu đố của lịch sử dân tộc giữa nhiều phương án lựa chọn khác nhau. Bước ngoặt cách mạng ấy cũng là kết quả của sự kế thừa tư tưởng của những người đi trước và rút ra những bài học quý từ những thành công và thất bại của họ. Sự tìm tòi, thử nghiệm có thể thành công ở những mức độ khác nhau, hoặc bị đàn áp đẫm máu, song tất cả đều thể hiện tâm huyết của các nhà yêu nước mong muốn đánh đuổi thực dân, giành lại nền độc lập và chấn hưng đất nước.

Với Cách mạng tháng Tám năm 1945, dân tộc Việt Nam đã thực hiện trọn vẹn sự nghiệp đấu tranh mà các thế hệ đi trước khởi xướng và hy sinh quên mình, đồng thời khôi phục lại các giá trị dân chủ, nhân văn từng bị thực dân Pháp xuyên tạc dưới chiêu bài “khai hóa văn minh”. Để có được thành quả đó, không thể không nhắc đến và tôn vinh những nhà tư tưởng yêu nước cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã nỗ lực tìm kiếm, khám phá con đường đấu tranh vì độc lập dân tộc. Chính họ, từ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, các nhà tư tưởng trường Đông Kinh Nghĩa Thục đến Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thái Học... đã thực hiện quá trình chuyển tiếp tư tưởng và tổ chức đấu tranh với những phương án khác nhau, dù thành công hay thất bại, để tạo nên một trong những tiền đề quan trọng dẫn đến bước ngoặt tư tưởng do Nguyễn Ái Quốc thực hiện, mở ra trang sử mới trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam hôm nay.

Tài liệu tham khảo

1. *Phan Bội Châu niên biểu*, Nxb Văn Sử Địa, 1957, Hà Nội.
2. *Phan Bội Châu toàn tập*, t.2, 3, Nxb Thuận Hóa, 1990, Thừa Thiên Huế.
3. *Phan Bội Châu toàn tập*, t.5, Nxb Thuận Hóa và Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2000, Thừa Thiên Huế.
4. Thành Duy (chủ biên) (1996), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2002, Hà Nội.
7. *V.I. Lê-nin toàn tập*, t.4, Nxb Tiến bộ, 1974, Mátxcova.
8. *Hồ Chí Minh toàn tập*, t.1, 2, 5, 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2000, Hà Nội.
9. Tôn Trung Sơn (1995), *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Trần Dân Tiên (1995), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. *Phan Chu Trinh tuyển tập* (Nguyễn Văn Dương tập hợp, giới thiệu), Nxb Đà Nẵng, 1995, Đà Nẵng.